ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĨNH THUẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 277 /KH-UBND	*Vĩnh Thuận, ngày 23 tháng 10 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Nghị định số 385/2026/NĐ-CP ngày 09/10/2026 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn xã Vĩnh Thuận

Căn cứ Kế hoạch số 606/KH-UBND ngày 16/10/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về triển khai thực hiện Nghị định số 385/2026/NĐ-CP ngày 09/10/2026 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh An Giang.

Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thuận ban hành kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn xã, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức quán triệt, triển khai đồng bộ, thống nhất, đúng thẩm quyền các quy định của Nghị định số 385/2026/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 10 năm 2026; nâng cao hiệu quả kiểm soát việc quy định, thực hiện, rà soát, đánh giá thủ tục hành chính (TTHC), quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Phân định rõ trách nhiệm theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, bảo đảm phối hợp chặt chẽ trong công tác kiểm soát TTHC.

2. Yêu cầu

Triển khai đầy đủ nội dung thuộc trách nhiệm của địa phương, bám sát các điều, khoản của Nghị định; không phát sinh thủ tục, thành phần hồ sơ, yêu cầu, điều kiện hoặc thẩm quyền ngoài quy định. Phân biệt trách nhiệm bắt buộc theo Nghị định với giải pháp tổ chức, phối hợp do xã xác định để thực hiện hiệu quả.

Nhiệm vụ giao phải rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, nội dung, trách nhiệm, sản phẩm, thẩm quyền và thời gian thực hiện. Đối với nội dung có thời hạn pháp luật quy định, thực hiện đúng thời hạn; không ấn định thêm hạn xử lý nội bộ. Việc theo dõi tiến độ, báo cáo phải dựa trên dữ liệu, minh chứng thực tế.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Phổ biến, quán triệt và tổ chức đầu mối kiểm soát TTHC

Phổ biến đầy đủ nội dung Nghị định, nhất là quy định về phạm vi, khái niệm TTHC và TTHC nội bộ; chức năng tham mưu kiểm soát TTHC cấp xã; đánh giá tác động; thẩm quyền, thời hạn công bố, công khai, cập nhật dữ liệu; rà soát, đánh giá sau ban hành và trách nhiệm người đứng đầu. Quán triệt việc Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP

hết hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2026; phân biệt trường hợp chuyển tiếp theo Điều 39 Nghị định số 385/2026/NĐ-CP.

Trung tâm Phục vụ hành chính công tham mưu giúp UBND, Chủ tịch UBND xã theo khoản 4 Điều 5 Nghị định.

2. Kiểm soát việc quy định TTHC trong văn bản quy phạm pháp luật

Các cơ quan lập đề xuất chính sách, cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật xác định đúng thẩm quyền quy định TTHC, kiểm tra đầy đủ các bộ phận cấu thành của TTHC, đánh giá sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp hiến, hợp pháp và chi phí tuân thủ theo từng giai đoạn quy định tại Điều 12. Việc đánh giá tác động phải bao gồm mức độ ứng dụng công nghệ thông tin, khả năng thực hiện trên môi trường điện tử; thực hiện đánh giá về bảo đảm cạnh tranh và quản lý rủi ro đối với trường hợp thuộc Điều 13. Khi dự kiến ban hành TTHC mới thuộc diện phải thông báo, chính quyền địa phương cấp xã (Phòng, ban, ngành xã) thực hiện thông báo đến Sở Tư pháp, đăng tải, lấy ý kiến theo Điều 9 và Điều 11; trường hợp không phải thông báo trước thực hiện đúng Điều 10. Không quy định yêu cầu, điều kiện TTHC thuộc khoản 3 Điều 6 trong văn bản quy phạm pháp luật của địa phương. Tuân thủ các quy định tại Điều 6 đến Điều 14 Nghị định số 385/2026/NĐ-CP.

Trung tâm Phục vụ hành chính công tham gia ý kiến theo điểm d khoản 2 Điều 11. Đối với việc thẩm định quy định về thủ tục hành chính, cơ quan tổ chức thẩm định bảo đảm sự tham gia của cơ quan, đơn vị kiểm soát TTHC trong trường hợp thẩm định thông qua Hội đồng, cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản; nội dung tham gia thẩm định thực hiện theo Điều 14 Nghị định. Việc thẩm định văn bản quy phạm pháp luật tiếp tục thực hiện theo pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, không thay đổi thẩm quyền thẩm định của cơ quan có chức năng.

3. Công bố, công khai, nhập và quản lý dữ liệu TTHC

Tổ chức công bố TTHC đúng chủ thể, phạm vi, nội dung theo Điều 16, bảo đảm thời hạn công bố tại khoản 1 Điều 17. Chủ tịch UBND cấp xã công bố TTHC thuộc phạm vi điểm c khoản 1 Điều 16.

Tổ chức công khai TTHC đầy đủ, chính xác, kịp thời theo khoản 2 Điều 17. Đối với việc nhập, đăng tải, công khai TTHC đã công bố vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, thực hiện chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố của Chủ tịch UBND xã; trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 25 đối với văn bản ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn hoặc trong trường hợp đặc biệt có hiệu lực ngay từ ngày thông qua hoặc ký ban hành thì chậm nhất 02 ngày làm việc. Đối với công khai tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC, Cổng thông tin điện tử xã và các hình thức khác, thực hiện đầy đủ, chính xác, kịp thời theo khoản 2 Điều 17; không đồng nhất các yêu cầu này với thời hạn nhập, đăng tải vào Cơ sở dữ liệu quốc gia. Đối với TTHC nội bộ thuộc phạm vi Nghị định, tổ chức công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia theo điểm b khoản 2 Điều 24; công khai tại các kênh khác theo khoản 3 Điều 17.

Quản lý tài khoản, tự rà soát, kết nối, chia sẻ dữ liệu, bảo đảm thống nhất thông tin TTHC giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cổng thông tin điện tử tỉnh và nơi

tiếp nhận, giải quyết theo Điều 24 đến Điều 27. Khi phát hiện sai lệch giữa các hình thức công khai, căn cứ quy định TTHC tại văn bản quy phạm pháp luật để rà soát, chỉnh lý quyết định công bố và thông tin công khai (khoản 5 Điều 17).

4. Nâng cao chất lượng tổ chức thực hiện TTHC

Các cơ quan, đơn vị trực tiếp giải quyết TTHC thực hiện đúng nguyên tắc công khai, khách quan, công bằng; bố trí công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu; hướng dẫn đầy đủ, chính xác, yêu cầu bổ sung hồ sơ rõ lý do và hướng dẫn đầy đủ trong một lần; không tự đặt thêm TTHC, hồ sơ, giấy tờ ngoài quy định; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và hỗ trợ nhóm đối tượng cần trợ giúp theo Điều 15, Điều 18 đến Điều 21.

Ưu tiên sử dụng dữ liệu điện tử, cung cấp thông tin một lần; kết quả giải quyết TTHC được cung cấp bằng hình thức điện tử, trường hợp cá nhân, tổ chức có yêu cầu hoặc pháp luật quy định thì trả bằng bản giấy (khoản 7 Điều 15). Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị theo Điều 22 và pháp luật có liên quan. Trường hợp TTHC chưa được công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia, khi cá nhân, tổ chức có yêu cầu, cơ quan nhà nước có thẩm quyền vẫn phải giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26; không tự đặt thêm hoặc áp dụng khác với nội dung TTHC tại văn bản quy phạm pháp luật.

5. Rà soát, đánh giá, cắt giảm và đơn giản hóa TTHC

Phối hợp tổ chức rà soát TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên địa bàn theo Điều 29 đến Điều 33.

6. Ứng dụng công nghệ, bảo đảm điều kiện, kiểm tra và xử lý chuyển tiếp

Khai thác Nền tảng số về kiểm soát TTHC do Bộ Tư pháp xây dựng, quản lý theo hướng dẫn (Điều 23); thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu và bảo đảm thống nhất thông tin theo Điều 27. Thực hiện chế độ báo cáo, kiểm tra theo Điều 36, Điều 37. Trên cơ sở chức năng hệ thống và dữ liệu đã có, phối hợp nghiên cứu công cụ hỗ trợ theo dõi, cảnh báo tiến độ giải quyết hồ sơ; không đặt thêm thủ tục hay chế độ báo cáo độc lập.

Thực hiện đúng các quy định chuyển tiếp tại Điều 39 Nghị định: TTHC nội bộ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trước ngày 10 tháng 10 năm 2026 tiếp tục có hiệu lực cho đến khi được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ; đối với đề xuất chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đang thực hiện trước thời điểm Nghị định có hiệu lực, việc đánh giá tác động TTHC thực hiện theo pháp luật hiện hành tại thời điểm đề xuất chính sách, soạn thảo dự án, dự thảo. Trong thời gian chức năng của Nền tảng số về kiểm soát TTHC chưa vận hành đầy đủ, việc thông báo dự kiến ban hành TTHC mới theo Điều 9 thực hiện bằng văn bản điện tử qua Trục liên thông văn bản quốc gia hoặc phương thức khác theo pháp luật; việc đăng tải, lấy ý kiến thực hiện theo pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

III. THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Từ ngày 10 tháng 10 năm 2026, tổ chức thực hiện các quy định của Nghị định số 385/2026/NĐ-CP; nhiệm vụ thường xuyên triển khai trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị.

2. Công bố TTHC: đối với quyết định công bố của Chủ tịch UBND xã và người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc điểm c, d khoản 1 Điều 16, thực hiện chậm nhất trước 10 ngày tính đến ngày văn bản quy phạm pháp luật có quy định TTHC có hiệu lực thi hành (điểm b khoản 1 Điều 17). Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn hoặc trong trường hợp đặc biệt có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành, quyết định công bố ban hành chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành văn bản (điểm c khoản 1 Điều 17).

3. Nhập, đăng tải, công khai vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC: chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố của Chủ tịch UBND xã; đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 25 về văn bản ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn hoặc trong trường hợp đặc biệt có hiệu lực ngay từ ngày thông qua hoặc ký ban hành, chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố. Khi có thông báo của Bộ Tư pháp về lỗi hoặc thiếu sót dữ liệu, sửa chữa trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc (Điều 25). Các kênh công khai khác thực hiện đầy đủ, chính xác, kịp thời theo khoản 2 Điều 17.

IV. PHỐI HỢP, THEO DÕI, BÁO CÁO VÀ XỬ LÝ VƯỚNG MẮC

1. Phối hợp thực hiện

Cơ quan chủ trì từng nhiệm vụ chủ động phối hợp cơ quan có liên quan; cung cấp thông tin, hồ sơ, căn cứ pháp lý, sản phẩm và kết quả xử lý để phục vụ công tác theo dõi, tổng hợp. Việc phối hợp phải bảo đảm không thay đổi thẩm quyền quyết định, công bố, sửa đổi hoặc xử lý TTHC do pháp luật quy định.

2. Theo dõi và kiểm tra

Trung tâm Phục vụ hành chính công tham mưu UBND xã theo dõi, đôn đốc tiến độ, phối hợp tổ chức kiểm tra theo Điều 37 Nghị định số 385/2026/NĐ-CP; chú trọng tính chính xác của quyết định công bố, nội dung công khai, dữ liệu TTHC, việc thực hiện cơ chế một cửa, phản ánh, kiến nghị và kết quả rà soát. Phối hợp hướng dẫn sử dụng mẫu theo dõi, cảnh báo trên cơ sở dữ liệu hiện có của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC và các hệ thống liên quan; ưu tiên nhận diện hồ sơ sắp đến hạn, quá hạn, phải bổ sung nhiều lần, bị trả lại, dừng xử lý bất thường và phản ánh, kiến nghị chưa xử lý.

3. Thông tin và báo cáo

Các phòng chuyên môn phối hợp cung cấp số liệu, tài liệu theo chức năng để tổng hợp báo cáo theo chế độ định kỳ hằng tháng, quý, 06 tháng, năm hoặc đột xuất theo yêu cầu. Việc thực hiện báo cáo điện tử qua Nền tảng số, thời điểm và biểu mẫu thực hiện theo Điều 36 và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

4. Xử lý khó khăn, vướng mắc

Cơ quan, đơn vị phát hiện vướng mắc chủ động kiểm tra quy định pháp luật, xác định nguyên nhân, tập hợp hồ sơ, dữ liệu chứng minh và giải quyết theo thẩm quyền; trường hợp vượt thẩm quyền thì báo cáo cấp có thẩm quyền để tổng hợp, tham mưu gửi cơ quan trung ương có thẩm quyền hướng dẫn, giải quyết.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bảo đảm từ ngân sách nhà nước trong dự toán chi ngân sách hằng năm của các cơ quan, đơn vị theo phân cấp ngân sách và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật; việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo Điều 35 Nghị định số 385/2026/NĐ-CP, pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung tâm Phục vụ hành chính công

Chủ trì tham mưu UBND xã tổ chức triển khai thực hiện công tác kiểm soát TTHC thuộc phạm vi, nhiệm vụ được giao; theo dõi, đôn đốc các bộ phận chuyên môn trong việc thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến kiểm soát TTHC. Tham mưu Chủ tịch UBND xã thực hiện thẩm quyền công bố TTHC đúng phạm vi thẩm quyền theo điểm c khoản 1 Điều 16. Phối hợp tổ chức nhập, đăng tải, công khai, quản lý tài khoản, tự rà soát và bảo đảm tính thống nhất của dữ liệu theo Điều 17, Điều 24 đến Điều 27; bảo đảm thời hạn 10 ngày trước hiệu lực trong trường hợp thông thường, chậm nhất sau 03 ngày làm việc trong trường hợp thuộc điểm c khoản 1 Điều 17 và thời hạn nhập, đăng tải tương ứng theo khoản 2 Điều 25. Tổ chức giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức, cá nhân, tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị; phối hợp rà soát, đánh giá, kiểm tra và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định. Thực hiện tham mưu theo đúng mô hình tổ chức tại khoản 4 Điều 5 Nghị định. Chủ động phân công đầu mối tiếp nhận hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm tra dữ liệu, phản ánh lỗi tài khoản hoặc phân quyền theo quy định; phối hợp cấp có thẩm quyền, cơ quan quản lý hệ thống và đầu mối kỹ thuật để xử lý khó khăn, vướng mắc.

2. Phòng Kinh tế

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách phối hợp các phòng ban chuyên môn tham mưu UBND xã kinh phí thực hiện kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định về phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp các phòng chuyên môn trong công tác cải cách hành chính; hướng dẫn, phối hợp việc bố trí, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ công chức, viên chức thực hiện, kiểm soát TTHC, gắn với trách nhiệm người đứng đầu theo Điều 18, Điều 19; phối hợp theo dõi kỷ luật, kỷ cương hành chính theo thẩm quyền.

4. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp

Phối hợp tổ chức thông tin, tuyên truyền các quy định mới của Nghị định; giới thiệu quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức khi thực hiện TTHC, địa chỉ tra cứu thông tin chính thức, quyền phản ánh, kiến nghị và lợi ích của việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến; bảo đảm thông tin được đối chiếu với quyết định công bố và Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC. Đây là nhiệm vụ tuyên truyền được giao trong Kế hoạch, không phải thẩm quyền công bố TTHC.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ. thẩm quyền và nội dung được phân công tổ chức thực hiện nghiêm kế hoạch và Phụ lục kèm theo; chủ động phối hợp, xử lý nội dung thuộc thẩm quyền. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về UBND xã (thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tổng hợp) để hướng dẫn hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý./.

Nơi nhận:
- Văn phòng UBND tỉnh (b/c);
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- UBMTTQVN xã và các tổ chức CT-XH;
- Các phòng chuyên môn thuộc UBND xã;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công xã;
- Cán bộ, công chức có liên quan;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ VĨNH THUẬN T. AN GIANG

Nguyễn Thanh Trung

Số: 277/KH-UBND
Thời gian ký: 2026-10-23T10:28:02+07:00

PHỤ LỤC
Nhiệm vụ chi tiết triển khai thực hiện Nghị định số 385/2026/NĐ-CP ngày 09/10/2026 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn xã Vĩnh Thuận
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 10 năm 2026 của UBND xã Vĩnh Thuận)

Ghi chú:

Phân loại nhiệm vụ: "Nghĩa vụ trực tiếp" theo Nghị định; "Biện pháp tổ chức" là cách thức phối hợp, theo dõi, không tạo thêm thẩm quyền hoặc thời hạn pháp lý mới.

TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp/ tính chất	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Căn cứ pháp lý/ lưu ý
I	**PHỔ BIẾN - BỘ MÁY**						
01	Đầu mối cấp xã; Trung tâm PVHCC cấp xã tham mưu kiểm soát TTHC ở xã	Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)	Các phòng chuyên môn	Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Không quy định mốc riêng	Phân công đầu mối tham mưu	Khoản 4 Điều 5; Chọn mô hình theo tổ chức thực tế
II	**QUY ĐỊNH - ĐÁNH GIÁ**						
02	Rà soát, phân loại TTHC nội bộ: phân biệt (i) TTHC giữa từ hai cơ quan hành chính nhà nước trở lên hoặc áp dụng chung cho các cơ quan hành chính nhà nước; (ii) công việc nội bộ trong một cơ quan hành chính nhà nước do chính cơ quan đó quy định, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định.	Trung tâm PVHCC	Văn phòng UBND tỉnh	Sở/Xã; Biện pháp tổ chức	Không quy định mốc riêng	Danh mục phân loại, kiến nghị xử lý	Điểm a khoản 2 Điều 1; điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định số 385/2026/NĐ-CP. Không mở rộng phạm vi TTHC nội bộ.

TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp/ tính chất	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Căn cứ pháp lý/ lưu ý
03	Kiểm soát thẩm quyền quy định TTHC; đối chiếu đúng phạm vi phân quyền, phân cấp, nội dung được cấp trên giao, thí điểm, biện pháp đặc thù và TTHC nội bộ; không quy định TTHC liên thông giữa các ngành vượt thẩm quyền địa phương.	Trung tâm PVHCC	Sở Tư pháp; Văn phòng UBND tỉnh	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Trong quy trình xây dựng VBQPPL; không có mốc riêng tại Nghị định	Phiếu rà soát thẩm quyền quy định	Điều 6, Điều 7; khoản 2 và khoản 3 Điều 8.
04	Bộ phận cấu thành TTHC; Kiểm tra đủ các bộ phận cấu thành bắt buộc và các bộ phận phát sinh khi có quy định.	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Văn phòng UBND tỉnh; đơn vị KSTTHC cấp xã	Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Trước khi ban hành theo pháp luật	Bảng kiểm đầy đủ bộ	Khoản 2, 3 Điều 7; Quy định chi tiết
05	Ưu tiên số hóa và dữ liệu; Đánh giá cách thức điện tử, cung cấp thông tin một lần, sử dụng, liên thông dữ liệu và khả năng không phụ thuộc địa giới.	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh	Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Trong quá trình xây dựng quy định	Bảng đánh giá điện tử, dữ liệu	Điểm g khoản 1 Điều 6; khoản 4 Điều 7; khoản 4 Điều 12; Không tự phát sinh yêu cầu giấy tờ
06	Lấy ý kiến đơn vị KSTTHC cấp xã; Lấy ý kiến đơn vị có chức năng KSTTHC tại cấp xã về dự thảo VBQPPL HĐND, UBND cấp xã có TTHC.	Trung tâm PVHCC	Các phòng chuyên môn	Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Theo pháp luật VBQPPL	Văn bản góp ý, tổng hợp tiếp thu	Điểm d khoản 2 Điều 11; khoản 4 Điều 5; Tham mưu, không thay quyền cơ quan ban hành

TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp/ tính chất	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Căn cứ pháp lý/ lưu ý
07	Tiếp thu giải trình ý kiến; Nghiên cứu tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến KSTTHC và đối tượng có liên quan.	Cơ quan chủ trì đề xuất, soạn thảo	Văn phòng UBND tỉnh; cơ quan tham gia góp ý	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Trong quy trình ban hành VBQPPL	Báo cáo tiếp thu, giải trình	Khoản 5 Điều 11; Bám pháp luật ban hành VBQPPL
08	Đánh giá tác động TTHC theo đúng giai đoạn: tại đề xuất chính sách đánh giá sự cần thiết; tại soạn thảo đánh giá các tiêu chí theo điểm b, c, d khoản 2 Điều 12 nếu đã thực hiện quy trình chính sách, hoặc đầy đủ các tiêu chí a, b, c, d nếu không thực hiện quy trình chính sách. Đánh giá thêm mức độ ứng dụng CNTT, khả năng thực hiện điện tử; TTHC nội bộ theo khoản 6 Điều 12.	Cơ quan đề xuất chính sách/chủ trì soạn thảo	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tư pháp	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Theo giai đoạn chính sách/soạn thảo Điều 12	Bản đánh giá tác động TTHC	Khoản 2, 3, 4, 6 Điều 12
09	Thẩm định quy định về thủ tục hành chính: bảo đảm có sự tham gia của cơ quan, đơn vị kiểm soát TTHC khi tổ chức thẩm định đề xuất chính sách, dự án, dự thảo VBQPPL có quy định TTHC theo Hội đồng, cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản; đơn vị KSTTHC có ý kiến theo nội dung Điều 14.	Cơ quan tổ chức thẩm định	Văn phòng UBND tỉnh/đơn vị KSTTHC cấp xã; Sở Tư pháp	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Cùng giai đoạn thẩm định VBQPPL	Ý kiến thẩm định quy định về TTHC, hồ sơ tham gia thẩm định	Điều 14; tiếp thu góp ý Sở Tư pháp. Phân biệt tham gia thẩm định TTHC với thẩm quyền thẩm định VBQPPL theo pháp luật có liên quan.
III	**CÔNG BỐ - CÔNG KHAI**						

TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp/ tính chất	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Căn cứ pháp lý/ lưu ý
10	Công bố TTHC thuộc thẩm quyền xã; Tham mưu Chủ tịch UBND cấp xã công bố TTHC quy định tại VBQPPL địa phương thuộc đúng phạm vi điểm c khoản 1 Điều 16.	Trung tâm PVHCC	Văn phòng HĐND và UBND	Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Chậm nhất trước 10 ngày tính đến ngày VBQPPL có hiệu lực (điểm b khoản 1 Điều 17); trường hợp thuộc điểm c khoản 1 Điều 17: chậm nhất SAU 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành VBQPPL.	Quyết định công bố TTHC cấp xã	Điểm c khoản 1 Điều 16; điểm b, c khoản 1 Điều 17.
11	Đầy đủ nội dung quyết định công bố; Đối chiếu TTHC mới, sửa đổi, bãi bỏ; chỉ rõ nội dung thay đổi và mã TTHC khi bãi bỏ TTHC có mã.	Trung tâm PVHCC	Văn phòng UBND tỉnh	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Cùng thời điểm ban hành quyết định	Phiếu kiểm tra bộ phận nội dung công bố	Khoản 2 Điều 16; Lấy VBQPPL làm căn cứ

TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp/ tính chất	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Căn cứ pháp lý/ lưu ý
12	Công khai TTHC tại nơi trực tiếp tiếp nhận, giải quyết	Trung tâm PVHCC	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Cơ sở dữ liệu quốc gia: 03 ngày làm việc kể từ ngày ký QĐ công bố của Chủ tịch UBND các cấp; trường hợp rút gọn/đặc biệt có hiệu lực ngay: 02 ngày làm việc (khoản 2 Điều 25). Nơi tiếp nhận: công khai đầy đủ, chính xác, kịp thời theo khoản 2 Điều 17; không có mốc riêng	Bảng đối chiếu 3 kênh, bằng chứng công khai	Khoản 2, 3, 4, 5 Điều 17; khoản 1, 2 Điều 25.

TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp/ tính chất	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Căn cứ pháp lý/ lưu ý
					bằng số ngày tại điều này.		
13	Nhập dữ liệu quyết định cấp xã; Tổ chức nhập, đăng tải, công khai TTHC đã công bố theo quyết định Chủ tịch UBND cấp xã.	Trung tâm PVHCC	Văn phòng UBND tỉnh; đơn vị hỗ trợ kỹ thuật	Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố của Chủ tịch UBND cấp xã; trường hợp rút gọn/đặc biệt thuộc khoản 2 Điều 25: 02 ngày làm việc.	Bản ghi CSDLQG, nhật ký nhập	Khoản 1, 2 Điều 25; khoản 2 Điều 27; khoản 4 Điều 5.
14	Tự rà soát, quản trị tài khoản và kết nối; quản lý tài khoản được cấp theo thẩm quyền; tự rà soát dữ liệu, phối hợp kết nối, chia sẻ và bảo đảm thống nhất dữ liệu giữa CSDLQG, Cổng TTĐT, nơi tiếp nhận, giải quyết.	Trung tâm PVHCC	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ (hỗ trợ kỹ thuật theo chức	Tỉnh/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Không có mốc ngày riêng	Nhật ký rà soát và biên bản đối chiếu	Khoản 2 Điều 27; sử dụng tài khoản, phân quyền theo hướng dẫn cơ quan quản lý hệ thống.

TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp/ tính chất	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Căn cứ pháp lý/ lưu ý
			năng); cơ quan quản lý hệ thống				
15	Công bố, công khai đầy đủ, kịp thời TTHC nội bộ thuộc phạm vi quản lý vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo điểm b khoản 2 Điều 24; thực hiện kiểm soát đầy đủ, chính xác, thống nhất dữ liệu theo điểm c khoản 2 Điều 24. Đối với công khai ở các kênh khác, thực hiện theo tính chất được khuyến khích tại khoản 3 Điều 17.	Trung tâm PVHCC	Văn phòng UBND tỉnh; đơn vị KSTTHC cấp xã	Tỉnh/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Đầy đủ, kịp thời; áp dụng Điều 17, không thêm hạn riêng	Danh mục TTHC nội bộ, bản ghi CSDLQG	Điểm b, c khoản 2 Điều 24; khoản 3 Điều 17; TTHC nội bộ thuộc khoản 1 Điều 3 khác với công việc nội bộ một cơ quan không thuộc phạm vi điều chỉnh.
IV	**TỔ CHỨC GIẢI QUYẾT**						
16	Cơ chế một cửa, liên thông; Tổ chức giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng DVCQG.	Trung tâm PVHCC	Văn phòng UBND tỉnh; đơn vị kỹ thuật	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Theo thủ tục/hệ thống hiện hành, không có mốc riêng tại Điều 18	Quy trình tiếp nhận, giải quyết	Khoản 8 Điều 18; Phối hợp văn bản pháp luật về một cửa
17	Không phát sinh hồ sơ ngoài quy định; Bảo đảm không tự đặt TTHC, thành phần hồ sơ, giấy tờ; hướng dẫn bổ sung đầy đủ một lần.	Trung tâm PVHCC	Công chức, viên chức tiếp nhận, giải quyết	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Theo thời hạn giải quyết của từng TTHC	Nhật ký tiếp nhận, phiếu yêu cầu bổ sung	Khoản 5 Điều 18; khoản 4 Điều 20; Cần đối chiếu quyết định công bố với VBQPPL

TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp/ tính chất	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Căn cứ pháp lý/ lưu ý
18	Cung cấp kết quả điện tử; Tổ chức cung cấp kết quả giải quyết bằng hình thức điện tử; bản giấy theo yêu cầu hoặc theo quy định pháp luật.	Trung tâm PVHCC	Đơn vị PVHCC; cơ quan kỹ thuật	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Theo thời hạn giải quyết của từng TTHC	Kết quả điện tử/bản giấy đúng quy định	Khoản 7 Điều 15; Không bỏ quyền được nhận bản giấy
19	Hướng dẫn, hỗ trợ đối tượng yếu thế; Bố trí cán bộ đúng tiêu chuẩn; hướng dẫn đầy đủ và hỗ trợ các nhóm đối tượng theo Nghị định.	Trung tâm PVHCC	Bộ phận Một cửa; đơn vị chuyên môn	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Khi tổ chức thực hiện TTHC	Thông tin hỗ trợ, nhật ký hỗ trợ	Khoản 1, 2, 7 Điều 18; Bảo mật dữ liệu cá nhân
20	Bảo mật và chia sẻ thông tin; Bảo quản, giữ bí mật thông tin và phối hợp chia sẻ thông tin đúng pháp luật trong giải quyết TTHC.	Trung tâm PVHCC	Cơ quan chuyên môn, kỹ thuật liên quan	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Trong toàn bộ quá trình giải quyết TTHC	Biện pháp bảo mật, nhật ký chia sẻ	Khoản 3, 6 Điều 18; Tuân thủ quy định bảo vệ dữ liệu tương ứng
21	Phản ánh, kiến nghị; Tiếp nhận, phân loại, xử lý, trả lời phản ánh kiến nghị về quy định và thực hiện TTHC theo pháp luật chuyên ngành.	Trung tâm PVHCC	Văn phòng UBND tỉnh; đơn vị liên quan	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Theo pháp luật tiếp nhận xử lý PAKN; Nghị định không ấn định số ngày	Sổ xử lý, văn bản trả lời	Khoản 9 Điều 18; Điều 22; Không tự đặt thêm thời hạn
22	Chấn chỉnh, đào tạo công chức; Kiểm tra, đôn đốc, đào tạo nghiệp vụ; khen thưởng hoặc xử lý vi phạm theo pháp luật.	Phòng Văn hóa - Xã hội	Văn phòng UBND tỉnh; sở/ngành	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Không có mốc riêng tại Điều 19	Kế hoạch bồi dưỡng; hồ sơ kiểm	Khoản 2, 3, 4, 5 Điều 19; Không tạo chế tài mới

TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp/ tính chất	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Căn cứ pháp lý/ lưu ý
						tra	
V	**HẠ TẦNG VÀ ĐIỀU KIỆN**						
23	Khai thác Nền tảng số KSTTHC; chủ động sử dụng chức năng hệ thống theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp, phối hợp cung cấp, kiểm tra dữ liệu và sử dụng đúng phân quyền được cấp.	Cơ quan sử dụng	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; cơ quan quản lý hệ thống	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp; không có mốc riêng	Tài khoản, nhật ký khai thác	Khoản 2 Điều 23; khoản 2 Điều 27. Bộ Tư pháp xây dựng, quản lý, vận hành Nền tảng số; nhiệm vụ địa phương chỉ là khai thác, phối hợp theo thẩm quyền.
VI	**CHUYỂN TIẾP**						
24	Tiếp tục thực hiện TTHC nội bộ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trước ngày Nghị định số 385/2026/NĐ-CP có hiệu lực, đến khi được sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ.	Cơ quan thực hiện TTHC nội bộ	Đơn vị KSTTHC cùng cấp	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Từ 10/10/2026 đến khi văn bản liên quan được sửa/bổ sung/bãi bỏ	Danh mục TTHC nội bộ tiếp tục áp dụng	Khoản 4 Điều 39; Không tuyên bố tự hết hiệu lực
25	Đối với đề xuất chính sách, dự án, dự thảo VBQPPL đã bắt đầu thực hiện trước ngày 10/10/2026: đánh giá tác động TTHC theo pháp luật hiện hành tại thời điểm đề xuất chính sách, soạn thảo dự án, dự thảo.	Các phòng chuyên môn	Sở Tư pháp; Văn phòng UBND tỉnh	Tỉnh/Sở/Xã; Nghĩa vụ trực tiếp	Theo tiến độ VBQPPL; không ấn định mốc riêng	Phiếu xác định chế độ pháp luật áp dụng	Khoản 6 Điều 39; Không mặc nhiên áp dụng toàn bộ quy tắc mới cho hồ sơ cũ

TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Cấp/ tính chất	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Căn cứ pháp lý/ lưu ý
26	Thay đổi căn cứ pháp lý từ ngày hiệu lực; Cập nhật căn cứ viện dẫn và hướng dẫn nghiệp vụ theo Nghị định 385; nhận diện Điều 5 Nghị định 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi.	Các phòng chuyên môn	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tư pháp	Tỉnh/Sở/Xã; Biện pháp tổ chức	Từ ngày 10/10/2026; Nghị định không quy định thời gian	Danh mục tài liệu, biểu mẫu cập nhật	Khoản 1, 2, 7 Điều 39. Không tự đặt hạn 15/10/2026;